

Bản án số: **24/2023/DS-ST**

Ngày: 12-10-2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.

2. Ông Nguyễn Văn Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12/10/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 82/2023/TLST-DS ngày 17/7/2023 về việc **“Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-DS ngày 07/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-DS ngày 25/9/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (gọi tắt là *Ngân hàng*); Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đình P, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai. Địa chỉ: Số 35 Võ Thị Sáu, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai. (*Văn bản ủy quyền số 208/NHNoKBĐGL-TH ngày 26/6/2023*).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và ông Đinh Xuân T, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ông P có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T-bà H lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, được bổ sung tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng ông Trần Đình P trình bày:

Vào ngày 22/4/2019, bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T đã vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai với số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) theo Hợp đồng tín

dụng số: 1428/HĐTD và Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS202001902 ngày 20/4/2020, phương thức vay vốn: Hạn mức quy mô nhỏ, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 05 con, với lãi suất cho vay là 10,1%/năm; lãi suất quá hạn 15,15%/năm, lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/04/2021.

Khoản vay này không phải đảm bảo bằng tài sản theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng chính phủ “Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”. Tuy nhiên khi để phát sinh nợ quá hạn và không có khả năng thu hồi nợ thì khách hàng đồng ý giao tài sản là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 808424 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/9/2011, số vào sổ cấp GCN: CH 00071 để thu hồi nợ.

Trong thời gian vay vốn, bà H-ông T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/4/2021, đồng thời Ngân hàng cũng nhiều lần thông báo đòi nợ, đôn đốc, nhắc nhở bằng nhiều hình thức nhưng bà H-ông T vẫn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 26/6/2023, bà H-ông T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 138.547.260 đồng (*một trăm ba mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng*), gồm số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 27.838.082 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 10.709.178 đồng. Bà H-ông T còn phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 27/6/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tại bảng kê tính lãi, Ngân hàng bổ sung yêu cầu bà H-ông T còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn phát sinh từ ngày 27/6/2023 đến hết ngày 12/10/2023 (*ngày xét xử sơ thẩm*) số tiền nợ lãi trong hạn là 2.988.493 đồng và số tiền nợ lãi quá hạn 1.494.247 đồng. Tổng cộng, số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải trả cho Ngân hàng thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai là 143.030.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.826.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.203.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/10/2023*).

Ngân hàng yêu cầu bà H-ông T phải trả thêm số tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã triệu tập bà H-ông T đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức. Nhưng do bà H-ông T thường xuyên vắng mặt tại địa chỉ cư trú là thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai. Khi đi bà H-ông T không thông báo về việc thay đổi địa chỉ cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới của ông, bà cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà H-ông T thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà H-ông T không chấp hành.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

1/ 01 Giấy ủy quyền số 208/NHNo.KBĐGL-TH ngày 26/6/2023 của Ngân

hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện K Đông Gia Lai.

Những tài liệu, chứng cứ sao y bản chính gồm:

2/ 02 Bảng kê tạm tính lãi;

3/ 01 Quyết định V/v ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022;

4/ 01 Hợp đồng tín dụng số 1428/HĐTD ngày 22/4/2019 giữa bên cho vay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai và bên vay là bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T;

5/ 01 Báo cáo đề xuất giải ngân kiêm giấy nhận nợ số 5008LDS202001902 ngày 20/4/2020;

6/ 01 Giấy đề nghị kiểm phương án sử dụng vốn ngày 22/4/2019;

7/ 01 Sổ giao dịch tiền vay;

8/ 01 Giấy báo nợ đến hạn và 01 Thông báo chuyển nợ quá hạn;

9/ 05 Biên bản xác minh;

10/ 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Phú; 01 Chứng minh nhân dân mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T (bản pho to);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T, có địa chỉ và từng sinh sống tại thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai trước khi bỏ đi khỏi địa phương, điều này thể hiện qua chứng cứ do Ngân hàng giao nộp là 02 Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T; Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Phú và biên bản xác minh tại Công an xã N, huyện K.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 143.030.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.826.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.203.425 đồng

(các khoản lãi tính đến ngày 12/10/2023). Bà H-ông T phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 13/10/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T có địa chỉ tại thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt (niêm yết) hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà H-ông T đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn nhưng bà H-ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là ông Trần Đình P vắng mặt nhưng ông P có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét Hợp đồng tín dụng số: 1428/HĐTD ngày 22/4/2019 được ký kết giữa Ngân hàng với bà H-ông T thấy rằng hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T chủ thể tham gia hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp theo quy định tại các Điều 117, Điều 118, và Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo Hợp đồng tín dụng số: 1428/HĐTD ngày 22/4/2019 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS202001902 ngày 20/4/2020 được ký kết giữa ngân hàng với bà H-ông T đã thể hiện rõ việc ngân hàng cho bà H-ông T vay và nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi bò thịt 05 con, với lãi suất cho vay là 10,1%/năm; lãi suất quá hạn 15,15%/năm, lãi chậm trả: 10%/năm. Thời hạn 12 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 20/04/2021. Khoản vay này không phải đảm bảo bằng tài sản theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng chính phủ “Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”. Tuy nhiên khi đề phát sinh nợ quá hạn và không có khả năng thu hồi nợ thì khách hàng đồng ý giao tài sản là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 808424 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 22/9/2011, số vào sổ cấp GCN: CH 00071 để thu hồi nợ.

Sau khi vay tiền bà H-ông T đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được tiền nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông, bà trả nợ. Bà H-ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên buộc Ngân hàng phải chuyển thành nợ quá hạn và khởi kiện yêu cầu bà H-ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H-ông T đã bỏ đi khỏi địa phương nên luôn vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập đến làm việc. Khi đi bà H-ông T không thông báo về việc thay đổi địa chỉ cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới của ông, bà cho Ngân hàng và chính quyền địa phương biết nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để bà H-ông T biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ nhưng bà H-ông T đã không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, không trình bày quan điểm về nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 143.030.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu không trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.826.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.203.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/10/2023*) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tại Hợp đồng tín dụng số: 1428/HĐTD ngày 22/4/2019 và Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 5008LDS202001902 ngày 20/4/2020 giữa hai bên đương sự còn có thỏa thuận lãi suất đối với tiền lãi chậm trả nên bà H-ông T phải chịu lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 143.030.000 đồng $\times 5\% = 7.151.500$ đồng.

[4] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (*gọi tắt là chi phí đăng tin, báo*): Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí đăng tin, báo là 4.550.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đăng tin, báo mà Ngân hàng đã nộp là 4.550.000 đồng. Ngân hàng đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ

sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, cụ thể như sau:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: 1428/HĐTD ngày 22/4/2019 là 143.030.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 30.826.575 đồng và nợ lãi quá hạn là 12.203.425 đồng (*các khoản lãi tính đến ngày 12/10/2023*).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải tiếp tục trả các khoản tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 13/10/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Trường hợp khách hàng (bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T) không trả tiền lãi đúng kỳ hạn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng thì khách hàng phải trả lãi suất đối với tiền lãi chậm trả bằng 10%/năm.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/10/2023) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Đinh Xuân T phải chịu 7.151.500 đồng (*bảy triệu, một trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh huyện K Đông Gia Lai số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.463.681 đồng (*ba triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003942 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, Gia Lai.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Chi phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.550.000 đồng (*bốn triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*), Ngân hàng phải chịu toàn bộ chi phí này. Ngân hàng đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN TP-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**